TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 334/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 10-10-2017
V/v tranh chấp "Hôn nhân và gia đình - Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Tám.

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Ngày 10 tháng 10 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2017/TLST-HNGĐ ngày 28/8/2017 về tranh chấp *"Hôn nhân và gia đình – Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số nhà 424, tổ 18, ấp PT B, xã PT A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Lâm Bảo G, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ 4, ấp PH B, xã PL, huyện PT, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 21/7/2017 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Lâm Bảo G chung sống với nhau như vợ chồng vào ngày 03/12/2006 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 3 năm 2010 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, anh G thường xuyên dùng những lời lẽ thô tục nặng nề và dùng vũ lực đối với chị, kéo dài đến tháng 4 năm 2010 nhận thấy tình cảm giữa chị và anh G không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chính thức ly thân cho đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống như vợ chồng chị và anh G có 02 con chung gồm: Lâm Bảo Mai A, sinh ngày 17/11/2007; Lâm Bảo Mai X, sinh ngày 06/8/2010, hiện đang sống chung với chị.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có.

Nay chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Bảo G và được tiếp tục nuôi 02 con chung là cháu Lâm Bảo Mai A, sinh ngày 17/11/2007; Lâm Bảo Mai X, sinh ngày 06/8/2010, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lâm Bảo G đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh G đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải đến lần thứ hai; triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh G vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Theo Tờ tường trình được UBND xã Phú Thuận A xác nhận chị T và anh G chung sống như vợ chồng trừ năm 2006, không có đăng ký kết hôn, có hai đứa con chung tên Lâm Bảo Mai A, sinh ngày 17/11/2007; Lâm Bảo Mai X, sinh ngày 06/8/2010, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, khoảng tháng 4 năm 2017 anh G có gửi đơn xin ly hôn với chị T sau đó do nhà xa nên anh đã rút lại đơn.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 08/9/2017 do ở xa.

Tại bản tự khai của cháu Lâm Bảo Mai A, sinh ngày 17/11/2007 và Lâm Bảo Mai X, sinh ngày 06/8/2010 có nội dung thể hiện nguyện vọng của các cháu là tiếp tục sống chung với mẹ là chị T sau khi cha mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh G nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh G với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại ấp Phú Hòa B, xã Phú Lâm, huyện PT, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét

xử vắng mặt anh G là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lâm Bảo G do mai mối và trên cơ sở tự nguyện đã chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/12/2006 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Xét thấy, chị T, anh G có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử nghĩ nên áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị T và anh G là vợ chồng.

Về con chung: Chị T, anh G có hai đứa con chung tên Lâm Bảo Mai A, sinh ngày 17/11/2007; Lâm Bảo Mai X, sinh ngày 06/8/2010, các cháu đang sống chung với chị T. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay các cháu đã sống chung với chị T, dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị, các cháu đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường, chị T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu nên yêu cầu của chị là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nghĩ nên tiếp tục giao các cháu cho chị T nuôi dưỡng. Anh G được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí:

Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016106 ngày 28/8/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 14; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Lâm Bảo G là vợ chồng.

2/. Về con chung:

Giao các cháu Lâm Bảo Mai A, sinh ngày 17/11/2007 và Lâm Bảo Mai X, sinh ngày 06/8/2010 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Anh G được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3/. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016106 ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án huyện PT, tỉnh An Giang.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, do các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Nghĩa